

Bản án số : 15 /2024/HS-ST
Ngày : 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Phan Hùng

Hội thẩm nhân dân: ông Vũ Khắc Hoàn, ông Đàm Chí Thân

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Thành Chung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Y

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Y - Tỉnh Q tham gia phiên tòa:** ông Phạm Đức Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Y - Tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/HS-ST ngày 17/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST- HS ngày 16/01/2024 đối với các bị cáo:

1. **Bùi Duy T1.** Tên gọi khác: không, giới tính: nam. Sinh ngày 21/5/1982, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi cư trú: thôn 9, xã S, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 3/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Bùi Đức T; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ. Anh chị em ruột có 4 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị Kim T, có 3 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: tại bản án số 69/2020/HS-ST ngày 04/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Nhân thân: Năm 2013, Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 08/11/2023, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Thế L1.** Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 22/5/1968, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 1, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Ngọc N; họ và tên mẹ: Đinh Thị Q. Anh chị, em ruột có 5 người, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Vũ Thị N. Con: có 3 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1997, Tiền án, tiền sự: không. Bị bắt quả tang ngày 08/11/2023, đến ngày 17/11/2023 Đ1 thay đổi biện pháp ngăn

chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Trọng H1. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 14/7/1993, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 13, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn N; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị S. Anh chị em ruột có 2 người, bị cáo là thứ hai. Vợ: Bùi Thị C, có 2 con. Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày **08/11/2023, đến ngày 17/11/2023** Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

4. Vũ Văn T2. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 10/9/1975, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: **thôn 9, xã H**, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 5/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Vũ Văn Q; họ và tên mẹ: Hoàng Thị B. Vợ: Phạm Thị O. Con: có 2 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: không. Anh chị em ruột có 5 người, bị cáo là con thứ nhất. Bị cáo bị bắt quả tang ngày **08/11/2023, đến ngày 17/11/2023** Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Văn T3. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 07/12/1987, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 10, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn T; họ và tên mẹ: Đoàn Thị M. Vợ: Đỗ Thị Huyền T. Có một con sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày **08/11/2023, đến ngày 17/11/2023** Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Văn Đ1. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 25/9/1979, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 13, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn K; họ và tên mẹ: Vũ Thị L. Anh chị, em ruột có 6 người, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Trương Thị H, có 3 con. Lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn **08/11/2023, đến ngày 17/11/2023** Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Văn T4. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 01/01/1971, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 1, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: không đi học; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: **không có**; họ và tên mẹ: Bùi Thị **L**; vợ: Đinh Thị T. Có 2 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày **08/11/2023, đến ngày 17/11/2023** Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

8. Bùi Văn M. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 04/6/1980, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 3, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Bùi Văn R; họ và tên mẹ: Bùi Thị N. Anh chị, em ruột có 10 người, bị cáo là thứ 10. Vợ: Bùi Thị Tuyết N, có hai con. Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 08/11/2023, đến ngày 17/11/2023 Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

9. Bùi Văn L2. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 28/02/1963, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 16, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 1/10; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Bùi Văn C; họ và tên mẹ: Vũ Thị N; vợ: Vũ Thị D. Có 5 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 08/11/2023, đến ngày 17/11/2023 Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn T5. Tên gọi khác: không. Giới tính: nam. Sinh ngày 01/01/1973, tại thị xã Y, tỉnh Q. Nơi thường trú: thôn 16, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 2/12; nghề nghiệp: lao động tự do. Họ và tên bố: Nguyễn Văn Y; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L; vợ: Bùi Thị L. Có 3 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt quả tang ngày 08/11/2023, đến ngày 17/11/2023 Đ1 thay đổi biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”, có mặt tại phiên tòa.

-Người làm chứng: anh Bùi Văn H2, sinh năm 1968. Nơi cư trú: thôn 14, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh Vũ Văn S, sinh năm 1973. Nơi cư trú: thôn 10, xã H, thị xã Y, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ1 tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/11/2023, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M và ông Bùi Văn H2 đến nhà Bùi Văn L2 ở thôn 16, xã H, thị xã Y chơi. Sau khi ngồi uống nước một lúc thì Đ1, T3, L1, M cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “chắn” Đ1 thua bằng tiền và nhờ L2 chia bài, mỗi người sẽ trả công cho L2 20.000 đồng/01 tiếng chia bài, L2 đồng ý. Sau đó cả bọn đi xuống gian nhà dưới, L2 chuẩn bị chiếu, 01 bát sữ, 01 đĩa sữ, 01 chén và 02 bộ bài chắn để cả bọn đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày lần lượt Bùi Duy T1, Nguyễn Trọng H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, Nguyễn Văn T5, anh Vũ Văn S đến nhà L2 chơi và ngồi xem nhóm Đ1 đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì T1, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4 cùng rủ nhau đánh “chắn” được thua bằng tiền và nhờ T5 chia bài, mỗi người sẽ trả công cho T5 20.000 đồng/01 tiếng chia bài, T5 đồng ý.

T5 lấy chiếu tại nhà L2 trải xuống nền nhà cách nhóm Đ1 chơi khoảng 02 mét và lấy 02 bộ bài chắn, 01 bát sù, 01 đĩa nhựa có sẵn ở nhà L2 để cả bọn đánh bạc.

L2, T5 mỗi người sử dụng 01 bộ bài để chia bài cho mọi người chơi và tiếp tục lấy bộ bài còn lại chia sẵn cho ván tiếp theo và cứ lần lượt chia bài như vậy để mọi người đánh liên tục.

Hình thức đánh bạc được quy định như sau: L2, T5 sử dụng 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài, chia thành 05 phần (mỗi phần 19 quân bài), còn lại 05 quân bài để vào 01 phần bất kỳ rồi đặt vào trong chiếc bát sù (gọi là nọc) để bốc cái xác định người đánh trước, rồi mỗi người chơi nhận 01 phần đã chia và chơi lần lượt theo vòng ngược chiều kim đồng hồ. Khi chơi thì rút lần lượt từng cây bài trong nọc và lật lên, nếu người chơi ghép được vào bài của mình thành “chắn” (tức là có 2 cây bài cùng số và chất) hoặc “cạ” (là có 2 cây bài cùng số nhưng khác chất) thì “ăn” cây đó, rồi đánh cây bài lẻ đi. Khi có đủ số chắn, cạ theo quy ước và không còn cây bài lẻ nào thì bài người đó được “ù”. Bài “ù xuống” là bài ù không có gì đặc biệt, bài “ù” có thêm các điểm đặc biệt gọi là “cược”, như: Bạch thủ ù chi, tôm, lèo, tám đỏ, bạch định, thập thành... Mỗi người chơi đều phải trả tiền cho người ù với mức tiền được quy định: Nếu “ù xuống” là 30.000 đồng, còn nếu ù có “cược” (tôm, thông...) là 40.000 đồng, ù có “cược” (lèo, chiu...) là 50.000 đồng, ù có “bạch định, tám đỏ” là 150.000 đồng, ù “chi” là 200.000 đồng.

Trong quá trình cả nhóm đánh bạc, L2 đã nhận tổng số 80.000 đồng tiền công chia bài, còn ông Bùi Văn H2 ngồi xem nhóm Đ1 đánh bạc, anh Vũ Văn S ngồi xem nhóm T1 đánh bạc. Đến 15 giờ 20 phút cùng ngày thì bị Công an thị xã Y bắt quả tang, thu trên chiếu bạc của nhóm Nguyễn Văn Đ1 số tiền 10.340.000 đồng, 01 đĩa sù, 01 bát sù, 01 chén, 01 chiếu cói, 200 quân bài. Thu trên chiếu bạc của nhóm Bùi Duy T1 số tiền 7.400.000 đồng, 01 chiếu cói, 01 bát sù, 01 đĩa nhựa, 200 quân bài. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn tạm giữ của Vũ Văn T2 01 điện thoại di động Iphone 6, của Bùi Văn T4 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J4, của Nguyễn Trọng H1 01 điện thoại di động Oppo A95, của Nguyễn Văn T5 01 điện thoại di động Nokia, của Bùi Văn M 01 điện thoại di động Oppo, của Bùi Văn L2 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus, của Nguyễn Thế L1 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus, của Nguyễn Văn T3 01 điện thoại di động Iphone XR, của Nguyễn Văn Đ1 01 điện thoại di động Oppo.

Quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và thừa nhận số tiền dùng để đánh bạc như sau: Đ1 có 1.600.000 đồng, T3 có 2.140.000 đồng, L1 có 6.000.000 đồng, M có 600.000 đồng; T1 có 650.000 đồng, H1 có 3.300.000 đồng, Vũ Văn T2 có 2.450.000 đồng, Bùi Văn T4 có 1.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: các điện thoại thu giữ của các bị cáo không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo. Số tiền 17.740.000 đồng Cơ quan điều tra chuyển gửi Kho bạc thị xã Y theo quy định. Các vật chứng thu giữ còn lại chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Y bảo quản, chờ xử lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSQY ngày 16/01/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Y, tỉnh Q đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi

Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Bùi Duy T1, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thị xã Y giữ quan điểm truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Bùi Duy T1, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự theo nội dung Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Duy T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt 08/11/2023. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù theo bản án số 66/HS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q. Bị cáo phải chấp hành hình phạt của hai bản án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, được trừ đi 07 ngày tạm giữ tại bản án số 69/HS-ST ngày 04/8/2020.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn M từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Vũ Văn T2 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày Tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn T4 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, về tội Đánh bạc.

+ Xử phạt bị cáo Bùi Văn L2 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, về tội Đánh bạc.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T5 từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, về tội Đánh bạc.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Trọng H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, Nguyễn Văn T5 cho Ủy ban nhân dân xã H2 Hoà, thị xã Y, tỉnh Q giám sát, quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo Đ1, T3, L1, M, L2, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, T5 có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, các bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02

lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 17.740.000 đồng; tịch thu tiêu hủy 400 quân bài chắn, 02 chiếu cói, 02 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 đĩa nhựa, 01 chiếc chén.

Về hình phạt bổ sung(phạt tiền): không áp dụng hình phạt bổ sung(phạt tiền) đối với các bị cáo.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh đối với bị cáo Đ1, T3, L1, M, L2, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, T5

Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Duy T1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Cáo trạng. Thể hiện: khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/11/2023, Đ1, T3, L1, M và ông Bùi Văn H2 đến nhà L2 ở thôn 16, xã H chơi. Sau khi ngồi uống nước một lúc thì Đ1, T3, L1, M cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “chắn” được thua bằng tiền và nhờ L2 chia bài, mỗi người sẽ trả công cho L2 20.000 đồng/01 tiếng chia bài, L2 đồng ý. Sau đó cả bọn đi xuống gian nhà dưới, L2 chuẩn bị chiếu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 chén và 02 bộ bài chắn để cả bọn đánh bạc.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày lần lượt T1, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, T5, anh Vũ Văn S đến nhà L2 chơi và ngồi xem nhóm L1 đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày thì T1, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4 cùng rủ nhau đánh “chắn” được thua bằng tiền và nhờ T5 chia bài, mỗi người sẽ trả công cho T5 20.000 đồng/01 tiếng chia bài, T5 đồng ý. T5 lấy chiếu tại nhà L2 trải xuống nền nhà cách nhóm Đ1 chơi khoảng 02 mét và lấy 02 bộ bài chắn, 01 bát sứ, 01 đĩa nhựa có sẵn ở nhà L2 để cả bọn đánh bạc.

Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T5 mỗi người sử dụng 01 bộ bài để chia bài cho mọi người chơi và tiếp tục lấy bộ bài còn lại chia sẵn cho ván tiếp theo và cứ lần lượt chia bài như vậy để mọi người đánh liên tục.

Hình thức đánh bạc được quy định như sau: L2, T5 sử dụng 01 bộ bài chắn gồm 100 quân bài, chia thành 05 phần (mỗi phần 19 quân bài), còn lại 05 quân bài để vào 01 phần bất kỳ rồi đặt vào trong chiếc bát sứ (gọi là nọc) để bốc cái xác định người đánh trước, rồi mỗi người chơi nhận 01 phần đã chia và chơi lần lượt theo vòng ngược chiều kim đồng hồ. Khi chơi thì rút lần lượt từng cây bài trong nọc và lật lên, nếu người chơi ghép được vào bài của mình thành “chắn” (tức là có 2 cây bài cùng số và chất) hoặc “cạ” (là có 2 cây bài cùng số nhưng khác chất) thì “ăn” cây đó, rồi đánh cây bài lẻ đi. Khi có đủ số chắn, cạ theo quy ước và không còn cây bài lẻ nào thì bài người đó được “ù”. Bài “ù xuống” là bài ù không có gì đặc biệt, bài “ù” có thêm các điểm đặc biệt gọi là “cược”, như: Bạch thủ ù chi, tôm, lèo, tám đỏ, bạch định, thập thành... Mỗi người chơi đều phải trả tiền cho người ù với mức tiền được quy định: Nếu “ù xuống” là 30.000 đồng, còn nếu ù có “cược” (tôm, thông...) là 40.000 đồng, ù có “cược” (lèo, chiu...) là 50.000 đồng, ù có “bạch định, tám đỏ” là 150.000 đồng, ù “chi” là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng anh Bùi Văn H2, anh Vũ Văn S khai phù hợp với lời khai các bị cáo. Thể hiện anh H2 xem nhóm Nguyễn Văn Đ1, anh S có ngồi xem đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà Bùi Văn L2, không tham gia đánh bạc cùng các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thị xã Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa **các** bị cáo không có ý kiến hoặc kH1 nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó: các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

*Về hành vi phạm tội:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Duy T1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng. L2 khai của các tại phiên tòa phù hợp với L2 khai của người làm chứng anh Bùi Văn H2, anh Vũ Văn S trong quá trình điều tra.

Như vậy, L2 khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với L2 khai người làm chứng trong quá trình điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở kết luận: khoảng 15 giờ 20 phút, ngày 08/11/2023, tại nhà của Bùi Văn L2 thuộc thôn 16, xã H, thị xã Y, tỉnh Q, nhóm của Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2 và nhóm của Bùi Duy T1, Nguyễn Trọng H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, Nguyễn Văn T5 có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi “chắn” được thua bằng tiền thì bị Công an thị xã Y phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc của nhóm Nguyễn Văn Đ1 số tiền 10.340.000 đồng và nhóm Bùi Duy T1 chơi số tiền 7.400.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Duy T1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy

định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội. Đánh bạc là tệ nạn xã hội không những gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến hạnh phúc trong mỗi gia đình mà còn là nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật khác. Vì vậy, Nhà nước quy định tất cả những hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc, gá bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền đều phải xử lý trước pháp luật. Các bị cáo đều nhận thức được việc đánh bạc dưới hình thức đánh “chắn” là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Số tiền các bị cáo đánh bạc bị thu giữ ngày 08/11/2023 tại nhà Bùi Văn L2 trên hai chiếu bạc đề đánh bạc là: 17.780.000 đồng. Do đó, các bị cáo Bùi Duy T1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò các bị cáo trong vụ án: đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà Bùi Văn L2. Nhóm các bị cáo Đ1, T3, L1, M, L2 và nhóm các bị cáo T1, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4, T5 phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Nhóm các bị cáo Đ1, T3, L1, M và nhóm các bị cáo T1, H1, Vũ Văn T2, Bùi Văn T4 đều cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc. Đối với bị cáo Bùi Văn L2 là chủ nhà cho các bị cáo tham gia đánh bạc, giúp sức chia bài và Nguyễn Văn T5 tham gia với vai trò giúp sức chia bài cho các bị cáo trong nhóm bị cáo Bùi Duy T1. Do đó, cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ hành vi các bị cáo thực hiện.

Đối với bị cáo Bùi Duy T1: nhân thân năm 2013, Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q xử phạt 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc” đã được xóa án tích. Tiền án: tại bản án số 69/2020/HS-ST ngày 04/8/2023, Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”. Bị cáo Bùi Duy T1 phạm tội mới trong thời gian thử thách. Do đó, mức hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 69/2023/HSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q chuyển thành hình phạt tù cộng với mức hình phạt tù của hành vi đánh bạc ngày 08/11/2023 này.

[4] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 (trừ Bùi Duy T1) phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Bị cáo **T1: có** bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo với xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về vật chứng trong vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 17.740.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. 400 quân bài chắn, 02 chiếu cỏi, 02 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 đĩa nhựa, 01 chiếc chén là công cụ các bị cáo sử dụng đánh bạc, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Vấn đề khác: Đối với anh Bùi Văn H2, anh Vũ Văn S ngồi xem không tham gia đánh bạc nên không đề cập xử lý.

[9]. Về án phí, quyền kháng cáo: các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Bùi Duy T1 phạm tội “đánh bạc”. Xử phạt Bùi Duy T1: 09 (chín) tháng tù cộng 06 (sáu) tháng tù của bản án số 66/2023/HS –ST ngày 04/8/2023. Tổng hợp hình phạt, bị cáo Bùi Duy T1 phải chấp hành cho hai bản án là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt 08/11/2023 Đ1 trừ những ngày tạm giam của bản án số 66/2023/HS –ST ngày 04/8/2023 từ ngày 23/4/2023 đến ngày 29/4/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 phạm tội “đánh bạc”.

Xử phạt Nguyễn Văn Đ1: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Thế L1: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Văn M: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn T3: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Văn L2: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Văn T5: 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Nguyễn Trọng H1: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Bùi Văn T4: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt Vũ Văn T2: 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thế L1, Nguyễn Trọng H1, Vũ Văn T2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn Đ1, Bùi Văn T4, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T5 cho Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Y, tỉnh Q quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp các bị cáo hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thế L1; 03/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Trọng H1; 04/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Vũ Văn T2; 05/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T3; 06/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1; 07/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn T4; 08/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn M; 09/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn L2. 03/LC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T5.

Hủy quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 02/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Thế L1. số 03/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Trọng H1. số 04/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Vũ Văn T2. số 05/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn T3. số 06/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ1. số 07/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn T4. số 08/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn M. số 09/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Bùi Văn L2. số 10/2024/QĐTHXC-TA ngày 16/01/2024 đối với bị cáo Nguyễn Văn Cảnh của Tòa án nhân dân thị xã Y, tỉnh Q .

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp ngân sách Nhà

nước số tiền: 17.740.000 đ(mười bảy triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng). Tịch thu tiêu hủy: 400 quân bài chắn, 02 chiếu cói, 02 bát sứ, 01 đĩa sứ, 01 đĩa nhựa, 01 chiếc chén theo biên bản giao nhận vật chứng ngày giữa Công an thị xã Y và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Y, tỉnh Q.

Về án phí hình sự sơ thẩm, quyền kháng cáo:

Căn cứ khoản 1-2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật phí và lệ phí.

Các bị cáo Bùi Duy T1, Nguyễn Văn Đ1, Nguyễn Thế L1, Bùi Văn M, Bùi Văn L2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T5, Nguyễn Trọng H1, Bùi Văn T4, Vũ Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- Viện KSND tỉnh Q;
- Viện KSNDTX Y;
- Công an thị xã Y;
- Trại tạm giam CAT Q;
- Cơ quan THA hình sự;
- UBND xã H;
- UBND xã S;
- UBND phường C;
- Sở Tư pháp tỉnh Q;
- Chi cục THADSTX Y;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Hùng

